Phát triển năng lực số trong đào tạo lý luận chính trị dưới tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh

Developing digital competencies in political theory education in the era of generative artificial intelligence

ThS. VŨ VĂN THÀNH
Trường Đại học Tôn Đức Thắng;
Email: vuvanthanh@tdtu.edu.vn

ThS. TRƯƠNG TRẦN HOÀNG PHÚC
Trường Đại học Tôn Đức Thắng;
Email: truongtranhoangphuc@tdtu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/8/2026 Ngày phản biện: 01/9/2026 Ngày duyệt đăng: 20/9/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và Nhân văn

Tóm tắt: *Bài viết phân tích yêu cầu phát triển năng lực số trong đào tạo lý luận chính trị ở giáo dục đại học trước tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Trên cơ sở phân tích lý luận và tổng hợp tài liệu, bài viết đề xuất khung năm thành tố: ngôn ngữ học thuật; truy vấn và đối thoại; kiểm chứng tri thức; phản biện chính trị - xã hội; đạo đức số. Khung này định hướng đổi mới dạy học, đánh giá và quản trị liêm chính học thuật, hướng tới tư duy độc lập và trách nhiệm công dân số.*

Từ khoá: *giáo dục đại học, liêm chính học thuật, lý luận chính trị, năng lực số, trí tuệ nhân tạo tạo sinh.*

Abstract: *This article analyzes the requirements for developing digital competencies in political theory education in higher education in response to the impact of generative artificial intelligence. Based on theoretical analysis and a review of the literature, the article proposes a five-component framework: academic language; inquiry and dialogue; knowledge verification; political and social critique; and digital ethics. This framework provides guidance for innovating teaching and learning, assessment, and academic integrity governance, with the aim of fostering independent thinking and responsible digital citizenship.*

Keywords: *higher education; academic integrity; political theory; digital competencies; generative artificial intelligence.*

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không còn dừng ở việc bổ sung nền tảng công nghệ vào lớp học, mà đang làm thay đổi cách tri thức được tạo lập, lưu thông, đánh giá và sử dụng. Đối với các học phần lý luận chính trị, biến đổi này đặc biệt đáng chú ý vì hoạt động học tập vốn dựa nhiều vào đọc hiểu văn bản, nắm bắt khái niệm, xây dựng lập luận và liên hệ thực tiễn. Trong môi trường có trí tuệ nhân tạo tạo sinh, sinh viên có thể yêu cầu hệ thống tóm tắt giáo trình, giải thích thuật ngữ, gợi ý dàn ý, mô phỏng tranh luận hoặc tạo bài thuyết trình trong thời gian rất ngắn. Vấn đề vì thế không chỉ là có cho phép sử dụng công cụ hay không, mà là người học sử dụng công cụ bằng năng lực nào, với mức độ tự chủ nào và trong giới hạn học thuật nào.

Ở Việt Nam, Quyết định số 131/QĐ-TTg đặt ra nhiệm vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và phát triển học liệu; Nghị quyết số 57-NQ/TW tiếp tục xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng của phát triển đất nước (Bộ Chính trị, 2024; Thủ tướng Chính phủ, 2022). Những định hướng này cho thấy năng lực số cần được xem là thành tố của năng lực học thuật và năng lực công dân, không

phải kỹ năng phụ trợ tách rời nội dung đào tạo. Tuy nhiên, đưa trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy lý luận chính trị cũng đòi hỏi tránh hai thái cực: lạc quan kỹ trị, coi công nghệ là lời giải cho mọi hạn chế sư phạm; và phòng vệ tuyệt đối, coi công nghệ chỉ là phương tiện gian lận.

Trong thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam, các môn lý luận chính trị đối với ngành không chuyên được triển khai trên chương trình, giáo trình sử dụng chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Đồng thời, chuyển đổi số giáo dục thúc đẩy việc sử dụng học liệu số, nền tảng dạy học và đánh giá trên môi trường số (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Sự kết hợp giữa nội dung có tính chuẩn hóa và phương thức tiếp nhận tri thức đang biến đổi nhanh dưới tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đặt ra yêu cầu tích hợp năng lực đọc, đối chiếu nguồn, lập luận và phản biện số trực tiếp vào từng học phần lý luận chính trị.

Trong phạm vi tài liệu được khảo sát, các khung năng lực số thường nhấn mạnh khai thác thông tin, giao tiếp, tạo nội dung, an toàn và giải quyết vấn đề; các nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tập trung nhiều vào cơ hội cá thể hóa, phản hồi nhanh, rủi ro thiên lệch, quyền riêng tư và liêm chính học thuật (Kasneci et al., 2023; UNESCO, 2023; Vuorikari et al., 2022). Khoảng trống cần tiếp tục làm rõ là cách kết nối những yêu cầu đó với đặc thù của đào tạo lý luận chính trị - nơi năng lực làm việc với khái niệm, đánh giá diễn ngôn, nhận diện bối cảnh và chịu trách nhiệm về lập luận giữ vai trò trung tâm. Bài viết vì vậy xem năng lực số không phải sự thay thế năng lực ngôn ngữ, mà là sự mở rộng năng lực ngôn ngữ học thuật trong môi trường tri thức được số hóa và thuật toán hóa.

Bài viết giải quyết ba câu hỏi: trí tuệ nhân tạo tạo sinh làm thay đổi điều kiện tiếp nhận và sản xuất tri thức lý luận như thế nào; những năng lực nào cần được hình thành để người học sử dụng công cụ một cách phê phán và có trách nhiệm; và chương trình, phương pháp, đánh giá cùng quản trị học thuật cần được đổi mới theo hướng nào. Đóng góp của bài viết là đề xuất một khung tích hợp năm thành tố, đồng thời chỉ ra quan hệ giữa phát triển năng lực số với mục tiêu hình thành tư duy độc lập, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm công dân trong giáo dục đại học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích lý luận kết hợp tổng hợp tài liệu có định hướng. Nguồn tài liệu gồm: văn bản chính sách của Việt Nam về chuyển đổi số giáo dục và phát triển khoa học - công nghệ; các khung và khuyến nghị quốc tế về năng lực số, đạo đức trí tuệ nhân tạo và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục; cùng các nghiên cứu học thuật tiêu biểu về cơ hội, rủi ro và giới hạn của mô hình ngôn ngữ lớn. Tài liệu được lựa chọn theo ba tiêu chí: liên quan trực tiếp đến câu hỏi nghiên cứu; có nguồn gốc chính thức hoặc đã qua phản biện; và có khả năng hỗ trợ việc xây dựng khung khái niệm cho đào tạo lý luận chính trị. Đây là nghiên cứu khái niệm, không phải tổng quan hệ thống và không sử dụng dữ liệu người tham gia.

Quy trình phân tích gồm bốn bước. Thứ nhất, xác định các chức năng cốt lõi của năng lực ngôn ngữ trong học tập lý luận. Thứ hai, đối chiếu các thành tố đó với yêu cầu của năng lực số và các rủi ro mới do công nghệ tạo sinh đặt ra. Thứ ba, nhóm các yêu cầu thành năm thành tố có quan hệ kế tiếp nhưng tương tác lẫn nhau. Thứ tư, chuyển hóa khung khái niệm thành định hướng đối với chuẩn đầu ra, chương trình, phương pháp, đánh giá và quản trị học thuật. Cách tiếp cận liên ngành kết hợp ngôn ngữ học ứng dụng, giáo dục học đại học, lý luận chính trị và đạo đức công nghệ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tái cấu trúc môi trường tiếp nhận và sản xuất tri thức

Trước đây, sinh viên chủ yếu tiếp cận tri thức lý luận chính trị qua giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và thảo luận trên lớp. Trí tuệ nhân tạo tạo sinh bổ sung một nguồn trả lời tức thời, có cấu trúc và giọng văn học thuật. Điều này có thể giảm rào cản ban đầu khi tiếp cận khái niệm khó, nhưng cũng khiến tri thức được tiếp nhận ở dạng đã làm mượt, rút gọn và tách khỏi nguồn gốc. Đối với những khái niệm gắn chặt với lịch sử và bối cảnh Việt Nam, một câu trả lời mạch lạc vẫn có thể lẫn lộn truyền thống lý thuyết, bỏ qua điều kiện cụ thể hoặc tạo nguồn không tồn tại. Sự lưu loát vì vậy không thể được đồng nhất với tính đúng đắn.

Công nghệ cũng làm thay đổi giá trị đo lường của bài tập. Những yêu cầu chỉ dừng ở định nghĩa, trình bày hoặc tóm tắt có thể được hệ thống hoàn thành nhanh chóng, nên khó phản ánh năng lực thật của sinh viên. Đánh giá cần dịch chuyển từ tái hiện kiến thức sang phân tích nguồn, so sánh lập luận, phản biện câu trả lời máy, liên hệ tình huống và bảo vệ quan điểm. Sự thay đổi này không làm giảm giá trị của tri thức lý luận; ngược lại, nó buộc hoạt động dạy học đi sâu hơn vào quá trình hình thành phán đoán và trách nhiệm của chủ thể nhận thức.

3.2. Cơ hội và rủi ro đối với tự chủ nhận thức

Về cơ hội, công nghệ tạo sinh có thể hỗ trợ cá thể hóa bằng cách giải thích một khái niệm ở nhiều mức độ, tạo ví dụ gần với ngành học, mô phỏng người phản biện hoặc cung cấp phản hồi ban đầu. Đối với sinh viên còn hạn chế khả năng đọc hiểu, công cụ có thể là bước đệm để tiếp cận văn bản khó; đối với sinh viên khá, công cụ có thể mở rộng góc nhìn và gợi ý câu hỏi đối chiếu. Các mô hình ngôn ngữ lớn cũng có thể hỗ trợ tiền viết, xây dựng dàn ý và phát hiện chỗ lập luận thiếu kết nối. Tuy nhiên, lợi ích chỉ xuất hiện khi sinh viên tự lựa chọn luận điểm, kiểm chứng nguồn và viết lại bằng ngôn ngữ của mình (Kasneci et al., 2023).

Rủi ro sâu hơn gian lận học thuật là sự suy giảm tự chủ nhận thức. Người học có thể quen nhận câu trả lời sẵn, ít đọc chậm, ít kiểm tra mâu thuẫn và không còn ý thức rõ về phần tư duy của mình. Mô hình ngôn ngữ có thể tạo văn bản thuyết phục nhưng không hiểu theo nghĩa con người, đồng thời tái sản xuất thiên lệch hoặc sai sót trong dữ liệu huấn luyện (Bender et al., 2021). Trong lý luận chính trị, sai lệch như vậy có thể ảnh hưởng đến cách người học tiếp cận lịch sử, pháp luật, chính sách, dân chủ, công bằng và phát triển; vì thế, kiểm chứng không chỉ là kỹ năng thông tin mà còn là yêu cầu phương pháp luận.

Một rủi ro khác là làm mờ trách nhiệm tác giả và dữ liệu. Hỗ trợ gợi ý câu hỏi khác về bản chất với việc tạo gần như toàn bộ bài viết, nhưng ranh giới này khó kiểm soát nếu nhà trường chỉ ban hành lệnh cấm chung. Cần có chính sách phân tầng, xác định hoạt động được phép, hoạt động phải khai báo, hoạt động bị hạn chế và loại dữ liệu không được nhập vào công cụ công cộng. Các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm giải trình, an toàn, lấy con người làm trung tâm và tôn trọng pháp quyền của OECD có thể được cụ thể hóa bằng nhật ký sử dụng công cụ, yêu cầu trích dẫn và vấn đáp kiểm tra năng lực thật (OECD, 2024).

3.3. Khung năng lực tích hợp

Từ các kết quả trên, bài viết đề xuất khung gồm năm thành tố: năng lực ngôn ngữ học thuật; năng lực truy vấn và đối thoại; năng lực kiểm chứng tri thức; năng lực phản biện chính trị - xã hội; và năng lực đạo đức số. Các thành tố không tồn tại độc lập. Năng lực ngôn ngữ là nền tảng để đặt câu hỏi và diễn đạt lập luận; năng lực truy vấn giúp sử dụng công cụ như một đối tác đối thoại có giới hạn; năng lực kiểm chứng ngăn việc đồng nhất văn bản máy với tri thức đúng; năng lực phản biện đặt câu trả lời vào quan hệ lịch sử, pháp lý, văn hóa và lợi ích xã hội; năng lực đạo đức số bảo đảm minh bạch, bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm học thuật.

Việc xác định năm thành tố dựa trên ba căn cứ: (i) chức năng ngôn ngữ cốt lõi trong học tập lý luận; (ii) yêu cầu của năng lực số và rủi ro do công nghệ tạo sinh; và (iii) đặc thù lý luận chính trị về kiểm chứng nguồn, bối cảnh và trách nhiệm học thuật. Từ đó, khung đi theo chuỗi nhận thức: hiểu - diễn đạt; truy vấn - đối thoại; kiểm chứng; phản biện bối cảnh; và trách nhiệm đạo đức. Các thành tố có quan hệ kế tiếp nhưng tương tác: ngôn ngữ là nền tảng, truy vấn là cơ chế tương tác, kiểm chứng là kiểm soát độ tin cậy, phản biện là tầng phán đoán, còn đạo đức số là trách nhiệm xuyên suốt. Nếu chỉ còn bốn thành tố, ít nhất một chức năng có mục tiêu và tiêu chí riêng phải bị gộp; nếu tách thành sáu hoặc nhiều hơn, các kỹ năng gần nhau dễ bị phân mảnh. Vì vậy, năm thành tố là cấu trúc tối giản nhưng đủ bao quát từ tiếp nhận đến trách nhiệm.

Điểm cốt lõi của khung là không tách kỹ năng sử dụng công cụ khỏi nội dung lý luận chính trị. Sinh viên không học kỹ thuật đặt lệnh như một mục tiêu tự thân, mà dùng công cụ để hiểu, kiểm tra và tranh luận về vấn đề chính trị - xã hội. Chẳng hạn, với chủ đề dân chủ, người học có thể yêu cầu hệ thống trình bày các cách tiếp cận, sau đó đối chiếu với giáo trình, văn kiện và tài liệu học thuật; cuối cùng chỉ ra điểm hợp lý, điểm thiếu và viết phản hồi cá nhân. Với chủ đề nhà nước pháp quyền, người học có thể phân tích

sự khác biệt giữa diễn ngôn pháp lý, chính trị và truyền thông. Chính bước đối chiếu và tự bảo vệ lập luận mới tạo ra giá trị học tập.

Khung cũng có thể triển khai theo ba mức. Ở mức cơ bản, người học sử dụng công cụ để hỗ trợ hiểu bài dưới sự hướng dẫn chặt chẽ. Ở mức trung gian, người học biết yêu cầu nguồn, phát hiện lỗi, so sánh và chỉnh sửa bằng lập luận của mình. Ở mức nâng cao, người học có thể thiết kế đối thoại phê phán, đánh giá thiên lệch diễn ngôn, phân tích tác động xã hội của công nghệ và đề xuất chuẩn mực sử dụng. Mục tiêu cuối cùng không phải năng lực vận hành một sản phẩm cụ thể, mà là năng lực công dân số tự chủ và có trách nhiệm.

3.4. Định hướng đổi mới chương trình và phương pháp dạy học

Đổi mới trước hết phải bắt đầu từ chuẩn đầu ra. Bên cạnh yêu cầu trình bày, phân tích và vận dụng, chuẩn đầu ra cần xác định khả năng khai thác học liệu số có chọn lọc; sử dụng công cụ trong giới hạn được phép; kiểm chứng câu trả lời bằng tài liệu học thuật và văn bản chính thức; khai báo mức độ hỗ trợ; bảo vệ dữ liệu; và phản biện diễn ngôn sai lệch trên không gian mạng. Nội dung chương trình không nhất thiết mở thêm nhiều chuyên đề công nghệ, nhưng cần tích hợp tình huống số vào các chủ đề hiện có, từ quan hệ giữa con người, công cụ và nhận thức đến dữ liệu, nền tảng số, lực lượng sản xuất, quyền riêng tư và trách nhiệm công dân.

Phương pháp dạy học cần chuyển từ truyền đạt nội dung sang tổ chức hoạt động nhận thức. Một hoạt động phù hợp là phản biện câu trả lời của máy: sinh viên đánh giá độ chính xác của khái niệm, căn cứ của lập luận, chất lượng nguồn, mức độ phù hợp với bối cảnh Việt Nam và những nội dung cần bổ sung. Một hình thức khác là đối thoại ba bước: người học tự đọc và viết nhận định ban đầu; sử dụng công cụ để yêu cầu phản biện; sau đó viết bản phản hồi cuối cùng, chỉ rõ điều giữ lại, sửa đổi hoặc bác bỏ. Quy trình này buộc người học công khai sự phát triển của lập luận, thay vì chỉ nộp sản phẩm trôi chảy.

Học theo vấn đề có thể được triển khai với các chủ đề như tin giả, quyền riêng tư, chuyển đổi số dịch vụ công, lao động nền tảng, bình đẳng trong tiếp cận công nghệ và trách nhiệm công dân trên mạng xã hội. Sinh viên thu thập tài liệu, dùng công cụ để lập bản đồ quan điểm, kiểm chứng bằng nguồn chính thức và trình bày giải pháp. Trong mọi phương pháp, trí tuệ nhân tạo chỉ nên là công cụ gợi mở, đối chiếu và phản biện, không phải nguồn phán quyết cuối cùng. Giảng viên giữ vai trò thiết kế nhiệm vụ, định hướng phương pháp luận và nhận diện biểu hiện năng lực thật của sinh viên.

3.5. Đổi mới đánh giá và quản trị liêm chính học thuật

Đánh giá cần chuyển từ chỉ chấm sản phẩm sang đánh giá cả quá trình. Bài viết hoặc thuyết trình có thể kèm nhật ký học tập, bản nháp, bảng khai báo công cụ, phần tự phản tư và vấn đáp ngắn. Có thể kết hợp bốn hình thức: đọc hiểu tại lớp; đánh giá quá trình qua câu hỏi, nguồn đã kiểm chứng và các quyết định chỉnh sửa; đánh giá sản phẩm gắn với tình huống cụ thể và nguồn thật; và vấn đáp bảo vệ quan điểm. Bảng tiêu chí cần bổ sung chất lượng nguồn, mức độ minh bạch, khả năng phản biện nội dung do máy gợi ý và ý thức bảo vệ dữ liệu, thay vì chỉ chấm độ trôi chảy của văn bản.

Ở cấp cơ sở giáo dục, cần ban hành hướng dẫn phân biệt rõ bốn mức: được phép; được phép nhưng phải khai báo; hạn chế; và không được phép. Hướng dẫn phải kèm ví dụ về dữ liệu không được đưa vào công cụ công cộng, gồm thông tin cá nhân, bài làm của người khác, đề thi chưa công bố, dữ liệu khảo sát nội bộ và tài liệu có bản quyền. UNESCO nhấn mạnh rằng chính sách giáo dục về trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm công bằng, bao trùm, lấy con người làm trung tâm và duy trì giám sát có ý nghĩa (Miao et al., 2021; UNESCO, 2023). Do đó, liêm chính học thuật trong môi trường số cần được hiểu rộng hơn việc không sao chép: đó còn là minh bạch về quá trình tạo lập tri thức, trung thực về sự hỗ trợ của công cụ và chịu trách nhiệm về kết quả.

Phát triển năng lực số cho giảng viên là điều kiện thực hiện. Bồi dưỡng cần tập trung vào thiết kế hoạt động có công cụ tạo sinh, phát hiện rủi ro học thuật, hướng dẫn kiểm chứng nguồn và xây dựng tiêu chí đánh giá quá trình. Đối với giảng viên lý luận chính trị, cần hình thành ngân hàng tình huống liên quan đến pháp luật, chính sách, truyền thông, văn hóa mạng và đời sống công dân. Khi giảng viên có năng

lực thiết kế và nhà trường có quy định minh bạch, công nghệ mới có thể được sử dụng như phương tiện tăng cường học tập mà không làm suy yếu trách nhiệm cá nhân.

4. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang tái cấu trúc môi trường ngôn ngữ và nhận thức của giáo dục đại học. Đối với đào tạo lý luận chính trị, thách thức không chỉ nằm ở nguy cơ viết thay hoặc tạo nguồn giả, mà ở khả năng người học lệ thuộc vào câu trả lời lưu loát và đánh mất quyền kiểm soát quá trình hình thành lập luận. Vì vậy, năng lực số phải được phát triển trên nền tảng năng lực ngôn ngữ học thuật và gắn với yêu cầu kiểm chứng, phản biện, bảo vệ dữ liệu cùng trách nhiệm tác giả.

Khung năm thành tố được đề xuất gồm năng lực ngôn ngữ học thuật; năng lực truy vấn và đối thoại; năng lực kiểm chứng tri thức; năng lực phản biện chính trị - xã hội; và năng lực đạo đức số. Việc triển khai khung đòi hỏi đổi mới đồng bộ chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị liêm chính học thuật. Giảng viên chuyển từ người cung cấp câu trả lời sang người thiết kế môi trường nhận thức; sinh viên chuyển từ tiếp nhận văn bản sang kiểm soát nguồn, lập luận và trách nhiệm của mình.

Do đây là nghiên cứu khái niệm dựa trên tổng hợp tài liệu có định hướng, khung đề xuất cần được kiểm định trong các học phần và nhóm người học khác nhau. Các nghiên cứu tiếp theo có thể xây dựng thang đo, thiết kế thực nghiệm sư phạm hoặc so sánh giữa ngành học để đánh giá mức độ phát triển từng thành tố. Dù vậy, kết quả hiện tại cho thấy đổi mới đào tạo lý luận chính trị trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo không phải công nghệ hóa môn học, mà là củng cố khả năng đọc, hỏi, kiểm chứng, phản biện và hành động có trách nhiệm của người học trong xã hội số./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bender, E. M., Gebru, T., McMillan-Major, A., & Shmitchell, S. (2021). On the dangers of stochastic parrots: Can language models be too big? Proceedings of the 2021 ACM Conference on Fairness, Accountability, and Transparency, 610-623. https://doi.org/10.1145/3442188.3445922

2. Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2024/12/7/27/NQ-57-TW.pdf

3. European Commission. (2020). Digital education action plan 2021-2027: Resetting education and training for the digital age. https://education.ec.europa.eu/focus-topics/digital-education/action-plan

4. Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning. Center for Curriculum Redesign.

5. Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günnemann, S., Hüllermeier, E., Krusche, S., Kutyniok, G., Michaeli, T., Nerdel, C., Pfeffer, J., Poquet, O., Sailer, M., Schmidt, A., Seidel, T., ... Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences, 103, 102274. https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274

6. Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). Intelligence unleashed: An argument for AI in education. Pearson.

7. C. Mác, & Ph. Ăngghen. (1995). Toàn tập (Tập 3). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

8. Miao, F., Holmes, W., Huang, R., & Zhang, H. (2021). AI and education: Guidance for policy-makers. UNESCO. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000376709

9. OECD. (2024). Recommendation of the Council on Artificial Intelligence (OECD/LEGAL/0449). https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0449

10. Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030". https://vanban.chinhphu.vn/?classid=0&docid=205236&pageid=27160

11. UNESCO. (2021). Recommendation on the ethics of artificial intelligence
https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381137

12. UNESCO. (2023). Guidance for generative AI in education and research
https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693

13. Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022). DigComp 2.2: The digital competence framework for citizens - With new examples of knowledge, skills and attitudes. Publications Office of the European Union
https://doi.org/10.2760/115376

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 về phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên.